TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 618/2024/DS-PT
Ngày: 17-12-2024
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 528/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số A P, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/11/2024).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp I, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn S, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: 4 N, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (theo Giấy ủy quyền

ngày 08/7/2024).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Hoàng G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Huỳnh Diệp T thống nhất trình bày:*

Vào ngày 15/9/2019, bà Nguyễn Thị P cho anh Nguyễn Hoàng G vay số tiền 100.000.000đồng và ngày 27/9/2019 bà P cho anh G vay tiếp số tiền 10.000.000đồng. Khi vay tiền có làm biên nhận và hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng anh G sẽ trả cả vốn và lãi cho bà P.

Tuy nhiên sau khi vay, anh G không trả vốn và lãi như đã thỏa thuận. Dù cho bà P đã rất nhiều lần yêu cầu anh G phải trả nợ cho bà P, nhưng anh G cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác cho đến nay vẫn không trả.

Khi cho vay tiền bà P có giữ của anh G bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE258437, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00051 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18/6/2009 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn C, bà P đã trao trả cho anh G xong, yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số tiền lãi 5.000.000đồng mà anh G cho rằng đã trả cho bà P thì bà P không có nhận.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Hoàng G trả cho bà P số tiền vốn vay là 110.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật 20%/năm (1,66%/tháng), lãi suất tính như sau:

+ Số tiền 100.000.000đồng, tính từ ngày vay 15/9/2019 đến ngày xét xử làm tròn là 57 tháng, lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền 94.620.000đồng.

+ Số tiền 10.000.000đồng, tính từ ngày vay 29/9/2019 đến ngày xét xử là 56 tháng, lãi suất 1,66%/tháng, thành tiền 9.296.000đồng.

Tổng cộng lãi và vốn là 213.916.000đồng.

** Bị đơn anh Nguyễn Hoàng G trình bày:*

Anh thống nhất vào ngày 15/9/2019 anh có vay của bà Nguyễn Thị P 100.000.000đồng và ngày 27/9/2019 anh có vay của bà P vay 10.000.000đồng. Số tiền 100.000.000đ lãi suất là 5%/tháng, số tiền 10.000.000đ lãi suất 10%/tháng. Khi vay anh có viết giấy vay tiền cho bà P. Đối với số tiền 100.000.000đồng anh đóng lãi được 01 tháng với số tiền là 5.000.000đồng. Số tiền 10.000.000đồng anh chưa đóng lãi lần nào. Khi vay bà P có giữ của anh 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Nguyễn Văn C là cha ruột của anh. Hiện nay bà P đã trả lại giấy đất cho anh xong.

Lúc đầu anh có vay của anh P1 (cháu của bà P) 50.000.000đồng, lãi suất

15%/tháng, để chuộc bằng khoán đất tại ngân hàng, sau đó mất khả năng chi trả. Anh P1 mới đem bằng khoán đất đưa cho bà P, anh P1 tính lãi và vốn thành số tiền 100.000.000đồng, anh mới vay của bà P 100.000.000đồng để trả nợ cho anh P1, chứ anh không có nhận 100.000.000đồng tiền mặt. Anh chỉ có nhận tiền mặt 10.000.000đồng vay ngày 27/9/2019.

Lúc vợ chồng anh mới cưới, vợ chồng anh có xuống gặp bà P xin trả trước số tiền 70.000.000đồng để xin nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về vay tiền để trả tiếp cho bà P, nhưng bà P không đồng ý. Thời điểm hiện tại do làm ăn thua lỗ nên số tiền đó không còn. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà P, anh đồng ý trả cho bà P 110.000.000đồng đã vay, nhưng anh xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng vừa vốn và lãi.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P.

1. Buộc anh Nguyễn Hoàng G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 213.916.000đồng, thực hiện sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Hoàng G chậm thi hành số tiền trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Ghi nhận bà Nguyễn Thị P đã trả cho anh Nguyễn Hoàng G bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE258437, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00051 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18/6/2009 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn C.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng G phải chịu 10.695.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 08/7/2024, bị đơn Nguyễn Hoàng G kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận số tiền mà anh G phải trả cho bà P là 161.045.000 đồng gồm 110.000.000 đồng tiền vốn gốc và số tiền lãi là 51.045.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đại diện bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Bị đơn thống nhất số tiền nợ là 110.000.000 đồng và trình bày đã trả lãi cho bà P 01 tháng với số tiền 5.000.000đ của khoản vay 100.000.000đ phù hợp với lời trình bày của bị đơn lại suất 5%tháng, nên nguyên đơn thừa nhận mức lại suất 2% tháng là có lợi cho bị đơn, do đó mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 1,66% tháng không vượt quá giới hạn tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Từ đó, để nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày ý kiến, tranh luận và ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhận định, đề nghị hướng giải quyết vụ án. Xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do bị đơn nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng quy định được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đúng thẩm quyền giải quyết.

[2] Về nội dung xét kháng cáo của bị đơn:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Hoàng G yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền mà anh G phải trả cho bà P là 110.000.000 đồng tiền vốn gốc và số tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10% năm.

[2.1] Tại cấp sơ thẩm, và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn Nguyễn Hoàng G thừa nhận hai khoản tiền vay theo hai "Giấy vay tiền" do nguyên đơn cung cấp, cụ thể:

- Giấy vay tiền ngày 15/9/2019, anh G vay của bà P số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất (bút lục 22).

- Giấy vay tiền ngày 27/9/2019 anh G vay của bà P số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất (bút lục 21).

Đồng thời thừa nhận, tổng số hai lần vay trên là 110.000.000 đồng, anh G chưa thực hiện trả vốn. Đối với tiền lãi, anh G khai có đóng 01 tháng lại đối với số tiền vay 100.000.000 đồng là 5.000.000 đồng nhưng không được chị P thừa nhận, nên không có căn cứ xác định các đương sự có thỏa thuận thống nhất mức lãi suất khi thực hiện giao dịch vay.

Anh G kháng cáo, thừa nhận số nợ, thừa nhận thời gian trả lãi nhưng không đồng ý mức lãi suất do Tòa án sơ thẩm áp dụng là 20% năm.

[2.2] Nhận thấy, nội dung hai giấy vay tiền đều không ghi mức lãi suất, tại cấp sơ thẩm các đương sự cũng không thống nhất được mức lãi suất đã thỏa thuận với nhau: chị P trình bày lãi thỏa thuận là 2% tháng, riêng anh G khai mức lãi suất thỏa thuận là 5%tháng và 10%tháng, như vậy các bên có tranh chấp về lãi suất vay nên mức lãi suất được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10% năm tức 0,83%/tháng tính từ thời điểm anh G vi phạm thời hạn trả nợ là sau một tháng kể từ ngày vay đến thời điểm xét xử sơ thẩm là ngày 26/6/2024. Số tiền lãi được tính như sau:

Khoản vay thứ nhất: Ngày vay là 15/9/2019 với số tiền 100.000.000 đồng, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 56 tháng 11 ngày nên số tiền lãi là:

(100.000.000đ × 0,83%/tháng) × 56 tháng 11 ngày = 46.784.000đồng.

Khoản vay thứ hai: ngày vay là 27/9/2019 với số tiền 10.000.000 đồng, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 55 tháng 29 ngày nên số tiền lãi là:

(10.000.000 đồng × 0,83%/tháng) × 55 tháng 29 ngày = 4.645.200đồng

Tổng số tiền lãi của hai khoản vay anh G có nghĩa vụ trả cho P theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 46.784.000đồng + 4.645.200đồng = 51.429.200 đồng.

Như vậy, anh G có nghĩa vụ trả cho chị P tổng cộng 161.429.200 đồng, trong đó tiền vốn vay là 110.000.000 đồng và tiền lãi vay là 51.429.200 đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với bị đơn được xác định lại cho phù hợp. Bà P được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 270, Điều 293, Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Hoàng G.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2024/DS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

Buộc anh Nguyễn Hoàng G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ tổng cộng là 161.429.200 đồng (một trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm hai mươi chín ngàn hai trăm đồng), trong đó tiền nợ vay là 110.000.000 đồng và tiền lãi vay là 51.429.200 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về yêu cầu anh Nguyễn Hoàng G trả tiền lãi vay với mức lãi suất là 20% năm.

3. Ghi nhận bà Nguyễn Thị P đã trả cho anh Nguyễn Hoàng G bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE258437, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00051 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 18/6/2009 cho hộ ông Nguyễn Văn C.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Hoàng G chịu 8.071.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại anh Nguyễn Hoàng G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm số 0002909 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Nguyệt